

Số: 23 /NQ-HĐND

Chư A Thai, ngày 17 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 của HĐND xã về việc phân bổ kinh phí bổ sung kinh phí có mục tiêu năm 2025 hỗ trợ để đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị làm việc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ CHƯ A THAI
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ TƯ (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về phân cấp thẩm quyền trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao năng lực của cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 05/08/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc bổ sung kinh phí có mục tiêu năm 2025 hỗ trợ cho các xã, phường đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị làm việc;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 18/8/2025 của HĐND xã về việc phân bổ kinh phí bổ sung có mục tiêu năm 2025 hỗ trợ để đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị làm việc.

Theo Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 13/10/2025 của UBND xã về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và ý kiến của đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 của HĐND xã, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tiêu đề Nghị quyết:

- **Tiêu đề Nghị quyết đã phê duyệt:** Phân bổ kinh phí bổ sung kinh phí có mục tiêu năm 2025 hỗ trợ để đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị làm việc.

- **Đề nghị điều chỉnh thành:** Cho chủ trương về việc mua sắm máy móc trang thiết bị làm việc; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã Chư A Thai.

2. Điều chỉnh phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 của HĐND xã theo chi tiết tại phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND xã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch năm 2025 hỗ trợ để đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị làm việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã được phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành.

2. Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã, Tổ Đại biểu HĐND xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND xã Chư A Thai khóa XIII, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ Tư (Chuyên đề) thông qua ngày 17/10/2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ban Thường trực UBMTTQVN xã;
- Các ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban ngành, đơn vị thuộc xã;
- Chi ủy, chi bộ các thôn;
- Trang thông tin điện tử của xã;
- Lưu: VT. *gêu*

CHỦ TỊCH



nh
Trịnh Thị Hồng



PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị quyết số: 23 /NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của HĐND xã Chư A Thai)

Stt	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	DỰ TOÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT THEO NGHỊ QUYẾT 17/NQ-HĐND NGÀY 28/8/2025		DỰ TOÁN XIN ĐIỀU CHỈNH PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG			
				Đơn giá dự kiến (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Đơn giá theo báo giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	KINH PHÍ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ, SỬA CHỮA, CẢI TẠO NÂNG CẤP				2.700.000.000			2.481.510.000	
1	Phòng Văn hóa - Xã hội				175.600.000			145.400.000	
	Máy tính xách tay	Cái	1	20.000.000	20.000.000	1	17.500.000	17.500.000	
	Máy tính bàn	Bộ	2	20.000.000	40.000.000	2	15.500.000	31.000.000	
	Máy photocopy	Bộ	1	88.000.000	88.000.000	1	85.000.000	85.000.000	*
	Máy in canon	Cái	2	4.300.000	8.600.000	2	4.950.000	9.900.000	
	Phần mềm Misa	PM	1	15.000.000	15.000.000				(*)
	Quạt trần đảo	Cái	4	1.000.000	4.000.000	4	500.000	2.000.000	
2	Trung tâm phục vụ hành chính công				183.000.000	16		232.950.000	
	Mua bộ máy tính để bàn	Bộ	6	20.000.000	120.000.000	7	15.500.000	108.500.000	
	Mua máy Scan	Cái	1	15.000.000	15.000.000	3	17.800.000	53.400.000	
	Mua máy Scan tốc độ cao	Cái	1	15.000.000	15.000.000	1	27.000.000	27.000.000	
	Máy tính xách tay	Cái	1	20.000.000	20.000.000	1	17.500.000	17.500.000	
	Máy hủy tài liệu	Cái	1	7.000.000	7.000.000	1	5.800.000	5.800.000	
	Máy nước nóng lạnh	Cái	1	5.000.000	5.000.000	1	5.000.000	5.000.000	
	Điện thoại cố định	Cái	1	1.000.000	1.000.000	1	750.000	750.000	
	Camera quan sát (4 mắt, lưu tối thiểu 30 ngày)	Bộ				1	15.000.000	15.000.000	

Stt	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	DỰ TOÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT THEO NGHỊ QUYẾT 17/NQ-HĐND NGÀY 28/8/2025		DỰ TOÁN XIN ĐIỀU CHỈNH PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG			
				Đơn giá dự kiến (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Đơn giá theo báo giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
3	Văn phòng HĐND-UBND				738.858.000			694.158.000	
	Máy tính xách tay	Cái	4	20.000.000	80.000.000	4	17.500.000	70.000.000	
	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	20.000.000	20.000.000	1	15.500.000	15.500.000	
	Máy in canon	Cái	2	4.300.000	8.600.000	2	4.950.000	9.900.000	
	Máy Scan	Cái	1	22.000.000	22.000.000	1	17.800.000	17.800.000	
	Máy photocopy	Cái	1	110.000.000	110.000.000	1	85.000.000	85.000.000	
	Camera 02 mắt	Cái	1	1.800.000	1.800.000	1	1.950.000	1.950.000	
	Camera 01 mắt	Cái	1	1.400.000	1.400.000	1	1.350.000	1.350.000	
	Máy phát điện	Cái	1	95.000.000	95.000.000	1	95.000.000	95.000.000	
	Máy điều hòa Panasonic 2,5HP	Cái	6	29.000.000	174.000.000	6	29.000.000	174.000.000	
	Máy điều hòa Panasonic 1,5HP	Cái	1	16.000.000	16.000.000	1	17.500.000	17.500.000	
	Màn hình Led 150inh (Cao 2,2m, rộng 3,5m). Máy tính trình chiếu và các thiết bị khác đồng bộ	Bộ	1	191.158.000	191.158.000	1	191.158.000	191.158.000	
	Phần mềm Misa	PM	1	15.000.000	15.000.000				(*)
	Micro ngỗng để bàn (Bộ 4 cái)	Bộ	1	3.900.000	3.900.000	1	15.000.000	15.000.000	
	Phó Ban Kinh tế - Ngân sách				24.300.000			22.450.000	
	Máy tính xách tay	Cái	1	20.000.000	20.000.000	1	17.500.000	17.500.000	
	Máy in canon	Cái	1	4.300.000	4.300.000	1	4.950.000	4.950.000	
	Phó Ban Văn hóa - Xã hội				24.300.000			22.450.000	
	Máy tính xách tay	Cái	1	20.000.000	20.000.000	1	17.500.000	17.500.000	
	Máy in canon	Cái	1	4.300.000	4.300.000	1	4.950.000	4.950.000	

Stt	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	DỰ TOÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT THEO NGHỊ QUYẾT 17/NQ-HĐND NGÀY 28/8/2025		DỰ TOÁN XIN ĐIỀU CHỈNH PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG			
				Đơn giá dự kiến (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Đơn giá theo báo giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Quân sự xã				60.800.000			63.450.000	
	Máy photocopy	Cái	1	50.000.000	50.000.000	1	52.000.000	52.000.000	
	Máy in canon	Cái	1	4.300.000	4.300.000	1	4.950.000	4.950.000	
	Máy Fax	Cái	1	6.500.000	6.500.000	1	6.500.000	6.500.000	
	Nhu cầu sửa chữa				155.000.000		155.000.000	155.000.000	
	Sửa chữa cổng hàng và các hạng mục khác của Trụ sở Đảng ủy-UBND				155.000.000		155.000.000	155.000.000	
	CÔNG AN XÃ			16.600.000	16.600.000	1	16.060.000	16.060.000	
	Trang bị MOC (thiết bị có chức năng đọc thẻ, ghi hình)	Cái	1	16.600.000	16.600.000	1	16.060.000	16.060.000	
4	Phòng Kinh tế				456.742.000			406.342.000	
	Máy tính xách tay	Cái	2	20.000.000	40.000.000	2	17.500.000	35.000.000	
	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	20.000.000	20.000.000	1	15.500.000	15.500.000	
	Máy in	Cái	2	4.300.000	8.600.000	2	4.950.000	9.900.000	
	Máy in A3	Cái	1	18.000.000	18.000.000	1	18.000.000	18.000.000	
	Máy điều hòa Panasonic 2,5HP	Cái	1	29.000.000	29.000.000	1	29.000.000	29.000.000	
	Máy scan tài liệu	Cái	1	15.000.000	15.000.000	1	17.800.000	17.800.000	
	Máy định vị GPS cầm tay	Cái	2	20.000.000	40.000.000				(**)
	Chi mua phần mềm kế toán	PM	1	15.000.000	15.000.000				(*)
	Máy photocopy	Cái	1	75.000.000	75.000.000	1	85.000.000	85.000.000	
	Kinh phí làm mái che để xe và các hạng mục khác	Công trình	1	196.142.000	196.142.000	1	196.142.000	196.142.000	
5	Văn phòng Đảng ủy				251.900.000			235.150.000	
	Máy tính để bàn	Bộ	2	20.000.000	40.000.000	2	15.500.000	31.000.000	
	Máy tính xách tay (Bí thư)	Cái	1	25.000.000	25.000.000	1	22.000.000	22.000.000	
	Máy tính xách tay	Cái	2	20.000.000	40.000.000	2	17.500.000	35.000.000	
	Máy in	Cái	3	4.300.000	12.900.000	3	4.950.000	14.850.000	
	Máy photo	Cái	1	80.000.000	80.000.000	1	85.000.000	85.000.000	

Handwritten signature

Stt	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	DỰ TOÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT THEO NGHỊ QUYẾT 17/NQ-HĐND NGÀY 28/8/2025		DỰ TOÁN XIN ĐIỀU CHỈNH PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG			
				Đơn giá dự kiến (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Đơn giá theo báo giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Máy scan	Cái	1	16.000.000	16.000.000	1	17.800.000	17.800.000	
	Máy scan	Cái	1	16.000.000	16.000.000	1	10.500.000	10.500.000	
	Máy nước nóng lạnh	Cái	1	5.000.000	5.000.000	1	5.000.000	5.000.000	*
	Tủ đựng tài liệu	Cái	2	7.000.000	14.000.000	2	7.000.000	14.000.000	
	Máy ghi âm	Cái	1	3.000.000	3.000.000				(**)
6	Ủy ban kiểm tra Đảng ủy				109.900.000			83.850.000	
	Máy tính bàn	Bộ	2	20.000.000	40.000.000	2	15.500.000	31.000.000	
	Máy tính xách tay	Bộ	1	20.000.000	20.000.000	1	17.500.000	17.500.000	
	Máy in	Bộ	3	4.300.000	12.900.000	3	4.950.000	14.850.000	
	Máy Scan	Bộ	1	12.000.000	12.000.000	1	10.500.000	10.500.000	
	Phần mềm Misa	PM	1	15.000.000	15.000.000				(*)
	Máy lọc nước nóng lạnh	Cái	2	5.000.000	10.000.000	2	5.000.000	10.000.000	
7	Ban xây dựng đảng				278.200.000			210.800.000	
	Máy phô tô	Cái	1	73.000.000	73.000.000	1	73.000.000	73.000.000	
	Máy vi tính để bàn	Bộ	2	20.000.000	40.000.000	2	15.500.000	31.000.000	
	Máy vi tính xách tay	Bộ	2	20.000.000	40.000.000	2	17.500.000	35.000.000	
	Máy tính dùng trong công tác QLCSĐL Đảng viên	Bộ	2	20.000.000	40.000.000	2	15.500.000	31.000.000	
	Máy in dùng trong công tác QLCSĐL Đảng viên	Cái	2	4.300.000	8.600.000	2	4.950.000	9.900.000	
	Máy Scan dùng trong công tác QLCSĐL Đảng viên	Cái	2	15.000.000	30.000.000	2	10.500.000	21.000.000	
	Máy chụp hình	Cái	1	35.000.000	35.000.000				(**)
	Máy ghi âm	Cái	1	3.000.000	3.000.000				(**)
	Máy in	Cái	2	4.300.000	8.600.000	2	4.950.000	9.900.000	
8	Ủy ban MTTQ VN				224.800.000			193.450.000	
	Máy vi tính xách tay	Cái	5	20.000.000	100.000.000	5	17.500.000	87.500.000	

Stt	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	DỰ TOÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT THEO NGHỊ QUYẾT 17/NQ-HĐND NGÀY 28/8/2025		DỰ TOÁN XIN ĐIỀU CHỈNH PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG			
				Đơn giá dự kiến (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Đơn giá theo báo giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Máy in	Cái	1	4.300.000	4.300.000	1	4.950.000	4.950.000	
	Phần mềm Misa	PM	1	15.000.000	15.000.000				(*)
	Kinh phí sửa chữa hệ thống điện	HT	1	17.500.000	17.500.000	1	17.500.000	17.500.000	
	Máy phô tô	Cái	1	73.000.000	73.000.000	1	73.000.000	73.000.000	
	Máy Scan	Cái	1	15.000.000	15.000.000	1	10.500.000	10.500.000	
II	Kinh phí làm mái che Phòng làm việc UBKT Đảng ủy (phòng làm việc công an xã cũ) và một số hạng mục khác							181.081.922	
III	CHI PHÍ KHÁC							37.408.078	
1	Chi phí tư vấn							11.000.000	
	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật							0	
	Chi phí Lập HSMT, đánh giá HSDT							6.000.000	
	Chi phí thẩm định HSMT và thẩm định KQLCNT							5.000.000	
2	Chi phí khác							26.408.078	
	Chi phí thẩm định giá							26.408.078	
	TỔNG CỘNG (I+II+III)				2.700.000.000		-	2.700.000.000	

Ghi chú: (*) là tài sản dùng nhiều năm cho các hoạt động thường xuyên của từng đơn vị, nên đề xuất sẽ xem xét bố trí từ nguồn khác.

(**) là tài sản chuyên dùng, không nằm trong danh mục theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị. Đang chờ Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng; sau khi có ý kiến của tỉnh, sẽ mua sắm theo hướng dẫn. Bố trí từ ngân sách xã.